

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 05-3-2025
V/v tranh chấp
dân sự đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tân Dũng.

2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 228/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp dân sự đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2000; Nơi thường trú: Khóm A, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Số B đường LVT, khóm C, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M là bà Võ Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980; Nơi thường trú: Khóm A, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Số B đường LVT, khóm C,

phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10 tháng 10 năm 2024. Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Anh Tô Phước H, sinh năm 1990; Vắng mặt lần thứ hai

2.2. Bà Đỗ Thị S1 (S2), sinh năm 1956; Vắng mặt lần thứ hai

Cùng nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M trình bày: Vào ngày 25 tháng 02 năm 2021 (âm lịch), anh Tô Phước H có mở 01 dây hụi 3.000.000 đồng do anh H làm chủ, hụi khai vào ngày 25 (âm lịch) hàng tháng, ngày 30 (âm lịch) là giao tiền, tổng số có 24 phần. Vào tháng 9 năm 2021 (âm lịch) thì chị có mua lại phần hụi của của Nu (bim bim) và anh H đồng ý. Sau đó, chị châu hụi sống đầy đủ, đến lần khai hụi thứ 21 (ngày 25 tháng 11 năm 2022 âm lịch) thì chị bỏ 3.000.000 đồng để hốt hụi với số tiền là 60.000.000 đồng, trừ đi tiền hoa hồng là 1.200.000 đồng và tiền châu hụi chết lần thứ 22 là 3.000.000 đồng thì anh H phải giao cho chị số tiền là 55.800.000 đồng. Anh H có cam kết đến ngày 25 tháng 12 năm 2022 (âm lịch) thì anh H sẽ giao tiền nhưng anh H đã không giao đúng hẹn. Sau đó, anh H có trả cho chị được số tiền là 12.000.000 đồng, còn nợ lại là 43.800.000 đồng. Đến ngày 13 tháng 9 năm 2023 thì mẹ của anh H là bà Đỗ Thị S1 có đến nhà chị và làm cam kết hứa trả 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 30 hàng tháng. Nhưng gia đình anh H không trả đúng hẹn. Nay chị chỉ yêu cầu anh H và bà S1 trả lại số tiền làm tròn là 43.000.000 đồng.

Đối với bị đơn anh Tô Phước H và bà Đỗ Thị S1, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc M về việc yêu cầu bà Đỗ Thị S1 liên đới cùng anh Tô Phước H trả nợ; buộc bị đơn anh Tô Phước H trả cho nguyên đơn Võ Thị Ngọc M số tiền còn nợ là 43.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

[1.1] Tuy tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ việc chị Võ Thị Ngọc M chơi hụi do anh Tô Phước H làm chủ, tuy nhiên việc chơi hụi giữa các đương sự đã kết thúc và bắt đầu thỏa thuận trả nợ dần của anh H cho chị M với số tiền cụ thể, do đó đây là tranh chấp đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Các bị đơn anh Tô Phước H và bà Đỗ Thị S1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc M, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn anh Tô Phước H có nợ tiền hụi của chị M, điều đó đã được thể hiện qua 02 giấy nợ và cam kết giao hụi của anh H là thừa nhận có nợ hụi của chị M, tuy trong giấy nợ ghi tên bà T nhưng có chú thích là “Mẹ bé M” và bà T cũng thừa nhận là số tiền nợ này là của chị M, bà chỉ là người đi đòi dùm con của mình, nhưng đến nay anh H vẫn không thanh toán dứt điểm số tiền nợ 43.000.000 đồng cho chị M. Vì vậy, việc khởi kiện của chị M là có căn cứ, còn anh H không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc M về việc buộc bà Đỗ Thị S1 liên đới cùng anh Tô Phước H trả số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử xét thấy chị M cho rằng bà S1 có làm cam kết bảo lãnh trả nợ cho anh H, nhưng việc bà S1 cam kết bảo lãnh chưa thể hiện có sự đồng ý của người được bảo lãnh là anh H, cũng như phần trình bày của chị M thì việc cam kết là giữa bà S1 và mẹ của chị là bà Võ Thị T chứ không phải trực tiếp với chị, như vậy việc bảo lãnh trả nợ của bà S1 cho anh H là chưa phù hợp với quy định, cho nên không chấp nhận yêu cầu của chị M buộc bà Đỗ Thị S1 liên đới cùng anh Tô Phước H trả số tiền còn nợ.

[4] Đối với lãi suất, các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc M, buộc anh Tô Phước H phải trả số tiền 43.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc M.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, anh Tô Phước H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ; bà Đỗ Thị S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị Võ Thị Ngọc M được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 144, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M, buộc bị đơn anh Tô Phước H trả cho nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc M về việc yêu cầu bà Đỗ Thị S1 liên đới cùng anh Tô Phước H trả nợ.

3. Về án phí:

3.1. Anh Tô Phước H phải chịu 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Đỗ Thị S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Chị Võ Thị Ngọc M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.075.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014415 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng